TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đương

2. Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX-ST ngày 01/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Xóm X, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Vũ Tiến C, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Tổ X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(chị H có mặt, anh C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn Chị Phạm Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Vũ Tiến C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thị trấn A và

lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 6/2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, tháng 6/2012 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm X, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu V và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H làm lao động tự do thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Vũ Tiến C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vũ Tường V ngày 28/3/2022 thể hiện:

Cháu Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010 là con đẻ của anh Vũ Tiến C và Chị Phạm Thị H. Hiện cháu V đang ở cùng chị H, cháu V đang thi vào lớp 6B trường Trung học cơ sở xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An . Nay chị H, anh C ly hôn thì cháu V có nguyện vọng ở với chị H.

- Tại biên bản xác minh với bà Vũ Thị N (mẹ đẻ anh C), địa chỉ: Tổ X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Phạm Thị H và anh Vũ Tiến C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh C sống cùng gia đình bà Ngà tại tổ 11, thị trấn A, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh C không phát sinh mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2012 cho đến nay. Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung như chị H trình bày, hiện con chung đang ở cùng chị H. Về tài sản chung: Vợ chồng chị H, anh C không có tài sản chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn bà Ngà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện tại anh C đăng ký hộ khẩu tại tổ 11, thị trấn A, huyện Q. Anh C làm nghề lao động tự do không cố định địa chỉ nhưng anh C thường xuyên liên lạc về gia đình bà Ngà. Gia đình bà đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án gửi cho anh C, bà đã nhận thay và thông báo, giao cho anh C biết. Quan điểm của anh C về việc chị H xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Phạm Thị H và anh Vũ Tiến C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A vào ngày 29/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh C. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh C có mâu thuẫn. Năm 2012 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm X, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung là cháu Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của hai bên và con chung để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Chị Phạm Thị H và anh Vũ Tiến C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thị trấn A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/6/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2012 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau mỗi người sống một nơi. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị H đề nghị ly hôn nhưng anh C không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ anh C không

có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Tiến C có 01 con chung là cháu Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010 hiện đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V cũng có nguyện vọng ở với chị H. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị H là chính đáng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho Chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010; anh Vũ Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết, anh Vũ Tiến C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Tiến C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao Chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tường V, sinh ngày 22/10/2010, anh Vũ Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp

theo Biên lai thu số 0004630 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Tiến C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh